

CÔNG TY CỔ PHẦN A&P ASIA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN A&P ASIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: A&P ASIA JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: A&P ASIA .,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107956503

3. Ngày thành lập: 10/08/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 4, hẻm 162/28/20 đường Khương Đình, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
2.	Trồng lúa	0111
3.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
4.	Trồng cây ăn quả	0121
5.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
6.	Chăn nuôi lợn	0145
7.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
8.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
9.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
10.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
11.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới;	4610
12.	Đại lý du lịch	7911
13.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
14.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
15.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
16.	Quảng cáo	7310
17.	Điều hành tua du lịch	7912
18.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
19.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao) Chi tiết: Dịch vụ tắm hơi, massage, tắm nắng, thẩm mỹ không dùng phẫu thuật (đánh mỡ bụng, làm thon thả thân hình...) và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự;	9610

20.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định; - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô;	4932
21.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
22.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
23.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
24.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
25.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
26.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
27.	Chăn nuôi gia cầm	0146
28.	Bán buôn thực phẩm	4632
29.	Bán buôn gạo	4631
30.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
31.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
32.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
33.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
34.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
35.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
36.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
37.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
38.	Bán buôn đồ uống	4633
39.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng xe ô tô;	4933
40.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721(Chính)
41.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321

42.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che .v.v..; - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền; - Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; - Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên;	9329
43.	Giáo dục mầm non	8510
44.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
45.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
46.	Giáo dục nghề nghiệp	8532
47.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
48.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
49.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;	5229
50.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ VÂN ANH	Số nhà 17, phố Trần Đại Nghĩa, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	50,000	011923829	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	50,000		

2	VŨ THỊ NGỌC HUYỀN	P313 - K2 phố Hào Nam, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	20.000	200.000.000	10,000	0011740062 71	
			Tổng số	20.000	200.000.000	10,000		
3	TRẦN THỊ MINH PHƯƠNG	Số 4, hẻm 162/28/20 đường Khương Đình, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	80.000	800.000.000	40,000	013360955	
			Tổng số	80.000	800.000.000	40,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	-----------------	---------------	---	--------------	---	------------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ VÂN ANH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 29/12/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 011923829

Ngày cấp: 26/11/2009

Nơi cấp: Công an TP Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 17, phố Trần Đại Nghĩa, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng 1401 - 17T2 chung cư Hapulico, số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội